

Số: **1740**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **26** tháng **11** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành "Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/04/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 10 tháng 8 năm 2018 bàn về công tác đào tạo, cuộc họp ngày 15 tháng 8 năm 2018 thảo luận lấy ý kiến dự thảo quy định đào tạo, do Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất chủ trì;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 388/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan và sinh viên chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *lct*

- Như Điều 3;
- Các Phó hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS *Trần Thanh Hải*

QUY ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1740/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở-Địa chất)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín tại Trường Đại học Mở - Địa chất bao gồm các hoạt động: Tổ chức đào tạo; đánh giá kết quả học tập; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên thuộc các chương trình đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.

Điều 2. Ngành đào tạo và chương trình đào tạo

1. Ngành đào tạo (hay ngành học) là một lĩnh vực chuyên môn rộng, có mã số nằm trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. Chuyên ngành là một lĩnh vực chuyên môn sâu thuộc một ngành đào tạo do Trường quản lý, phân kiến thức khác nhau giữa các chuyên ngành thuộc một ngành đào tạo không quá 1/3 chương trình toàn khóa.

2. Chương trình đào tạo thể hiện rõ trình độ đào tạo, ngành đào tạo và văn bằng tốt nghiệp; đối tượng đào tạo và điều kiện nhập học; mục tiêu đào tạo, chuẩn năng lực của người tốt nghiệp và điều kiện tốt nghiệp, yêu cầu kiến thức bắt buộc và tự chọn, kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và đề cương chi tiết cũng như mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình.

3. Các chương trình đào tạo phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực và hiện đại, phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Trường, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đáp ứng các yêu cầu hội nhập.

4. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với nhiều ngành (kiểu song ngành) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

5. Chương trình đào tạo được Trường xây dựng và cập nhật theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm thích ứng với nhu cầu phát triển của xã hội. Khối lượng của mỗi chương trình không dưới 150 tín chỉ đối với khóa học 5 năm; không dưới 120 tín chỉ đối với khóa học 4 năm.

6. Chương trình đào tạo có thể bao gồm các nhóm học phần bắt buộc và học phần tự chọn như sau:

a) Nhóm học phần bắt buộc: Sinh viên phải hoàn thành tất cả học phần trong danh mục quy định.

b) Phần tự chọn chia làm 2 loại: tự chọn theo chuyên ngành và tự chọn tự do trong ngành/nhóm ngành. Phần tự chọn theo chuyên ngành tạo điều kiện cho sinh viên học sâu hơn theo định hướng chuyên ngành. Phần tự chọn tự do tạo điều kiện cho sinh viên trang bị kiến thức và kỹ năng rộng hơn, bổ trợ cho phần cốt lõi của ngành/nhóm ngành

học. Sinh viên tự chọn học các học phần được Khoa/bộ môn xây dựng trong danh mục học phần tự chọn để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho danh mục tự chọn tương ứng, nhưng không tính học phần có nội dung tương đương với các học phần đã tích lũy.

7. Khoa, Bộ môn quy định danh mục các nhóm học phần tương đương và học phần thay thế, cụ thể như sau:

a) Sinh viên được tùy chọn học một học phần tương đương để lấy kết quả thay cho một học phần yêu cầu trong chương trình. Sinh viên học hai học phần tương đương thì chỉ được tính tích lũy một học phần có kết quả cao hơn.

b) Sinh viên được chỉ định học một học phần thay thế để lấy kết quả thay cho một học phần yêu cầu trong chương trình nhưng không còn được giảng dạy.

8. Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh và áp dụng cho từng khóa tuyển sinh; sinh viên nhập học năm nào sẽ được áp dụng chương trình đào tạo của năm đó. Sinh viên học chậm tiến độ có thể làm đơn đề nghị được học và xét công nhận tốt nghiệp theo chương trình của các khóa sau. Căn cứ khối lượng kiến thức của từng chương trình, quy định cụ thể việc phân bổ các học phần và các hoạt động khác cho từng học kỳ và năm học được thể hiện trong kế hoạch học tập của từng ngành, chuyên ngành.

9. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ khối lượng học tập, điều kiện tham dự học phần, mục tiêu và kết quả mong đợi, mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình, cách thức đánh giá học phần, nội dung và kế hoạch học tập, giáo trình và tài liệu tham khảo cho sinh viên. Đề cương chi tiết được Hội đồng Khoa thông qua. Đề cương chi tiết học phần có thể được điều chỉnh theo từng học kỳ, nhưng phải được công bố cho toàn thể sinh viên theo học biết vào đầu học kỳ.

Điều 3. Tín chỉ và học phần

1. Tín chỉ (TC) là đơn vị tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

2. Học phần là đơn vị cấu thành chương trình đào tạo, được tổ chức giảng dạy, học tập trọn vẹn trong một học kỳ. Một học phần có khối lượng từ 1 đến 4 TC, trừ một số học phần đặc biệt như thực tập, khóa luận và đồ án tốt nghiệp có thể có khối lượng lớn hơn.

a) Mỗi học phần có một mã số riêng thống nhất trong toàn trường và ký hiệu theo Khoa, Bộ môn phụ trách giảng dạy. Một học phần có thể được sử dụng trong nhiều chương trình đào tạo với cùng khối lượng và nội dung.

b) Các loại học phần:

- Học phần tiên quyết: Học phần A được gọi là học phần tiên quyết của học phần B khi muốn đăng ký học học phần B thì trước đó phải học xong học phần A đạt yêu cầu theo thang điểm đánh giá quy định tại Điều 21 của quy định này.

- Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước học phần B khi muốn đăng ký học phần B thì trước đó đã phải học xong học phần A (có thể chưa đạt yêu cầu).

- Học phần song hành: Học phần A gọi là học phần song hành của học phần B khi học phần B có thể đăng ký học đồng thời với học phần A hoặc đăng ký học sau khi đã học xong học phần A.

- Học phần cấp chứng chỉ: là các học phần không tính tích lũy tín chỉ. Sinh viên hoàn thành các học phần này sẽ được cấp chứng chỉ theo quy định.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của Trường Đại học Mở-Địa chất được tính từ 6 giờ 45 phút đến 20 giờ 20 phút hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế, Hiệu trưởng có thể thay đổi thời gian hoạt động giảng dạy cho phù hợp.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, phòng Đào tạo đại học sắp xếp thời khóa biểu các lớp trong thời gian trên.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Thời gian và kế hoạch học tập

1. Trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể. Thời gian khóa học trình độ đại học của Trường từ 4 đến 5 năm, tùy từng chương trình đào tạo cụ thể.

b) Một năm học bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ, bố trí theo kế hoạch cụ thể hằng năm. Mỗi học kỳ chính có 20 tuần, trong đó các lớp học được xếp trong một đợt 8 tuần hoặc kéo dài 16 tuần (cả học kỳ với 1 tuần dự trữ); lịch thi được xếp vào 1-2 tuần giữa học kỳ và 2-3 tuần cuối học kỳ. Học kỳ phụ bao gồm 5 tuần học và 1 tuần thi, được tổ chức theo yêu cầu của sinh viên muốn học lại, học vượt tiến độ hoặc học ngoài chương trình.

2. Chương trình đào tạo đưa ra kế hoạch học tập toàn khóa, trên cơ sở đó sinh viên xây dựng kế hoạch học tập dưới sự tư vấn của giảng viên chủ nhiệm/cố vấn học tập theo từng học kỳ để phù hợp với tiến độ học của bản thân.

a) Sinh viên có thể tốt nghiệp trước thời hạn theo quy định của chương trình đào tạo nếu việc tích lũy tín chỉ đáp ứng được các yêu cầu của quy định, cụ thể: Tốt nghiệp với thời gian tối thiểu 4 năm đối với chương trình đại học 5 năm; tối thiểu 3 năm đối với chương trình đại học 4 năm.

b) Thời gian nghỉ ốm dài hạn có phép không tính vào thời gian chậm tiến độ nếu tổng cộng không vượt quá 2 năm; thời gian nghỉ trên 2 năm phải tính vào thời gian chậm tiến độ.

c) Thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Nhà nước không tính vào thời gian chậm tiến độ.

d) Thời gian tối đa hoàn thành chương trình gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại Khoản 1, mục a của Điều này, cộng với thời gian gia hạn cho phép:

- 4 học kỳ đối với khóa học từ 3 đến dưới 5 năm.
- 6 học kỳ đối với các khóa học 5 năm.

e) Đối với sinh viên thuộc diện được hưởng chính sách ưu tiên trong đào tạo, thời gian được phép học tại trường áp dụng theo quy định của Bộ.

Điều 6. Đăng ký nhập học và sắp xếp ngành đào tạo

1. Căn cứ vào quy định tuyển sinh hiện hành và đề án tuyển sinh của Trường ở từng năm, Hội đồng tuyển sinh Đại học Mở - Địa chất công bố ngành đào tạo (hoặc nhóm ngành) của sinh viên trúng tuyển vào Trường.

2. Đối với trường hợp tuyển sinh theo nhóm ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học Trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, Trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

3. Một ngành, một chuyên ngành có thể không được mở đào tạo cho một khóa sinh viên nếu số lượng sinh viên đăng ký nguyện vọng theo học quá ít. Số lượng sinh viên tối thiểu để mở đào tạo một chuyên ngành là **20**; Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

4. Khi nhập học, sinh viên phải nộp cho Trường đầy đủ những giấy tờ theo quy định tại Quy định tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành và được Hội đồng tuyển sinh thông báo chi tiết trong giấy báo nhập học.

5. Sau khi nhập học, sinh viên được Trường cấp thẻ sinh viên, cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, nội dung và kế hoạch học tập toàn khóa học, quy định đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

Điều 7. Tổ chức lớp học

Có hai hình thức lớp:

a) Lớp học phần: Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký học một học phần và thời khóa biểu xếp học chung trong một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên trong một lớp học phần được xếp tùy thuộc vào sức chứa của phòng học hay phòng thí nghiệm, tính chất của học phần và điều kiện cụ thể...

b) Điều kiện mở lớp học phần như sau:

- Đối với các học phần có giờ lên lớp, số lượng sinh viên đăng ký tối thiểu để mở lớp là 40 cho học phần chung nhiều ngành, 30 cho học phần chung của ngành và 20 cho học phần chuyên ngành.

- Đối với các trường hợp ngoại lệ, Trường phối hợp với Khoa/Bộ môn giải quyết theo trình tự như sau:

+ Xem xét mở lớp cho các ngành học hoặc chương trình đặc biệt có ít sinh viên để tạo điều kiện tối đa cho sinh viên học theo kế hoạch học tập của ngành/chuyên ngành.

+ Xem xét mở lớp học phần chuyên ngành có từ 5 đến 19 sinh viên đăng ký học theo đơn đề nghị của sinh viên, áp dụng hệ số học phí theo quy định.

+ Xem xét mở lớp cho dưới 10 sinh viên đăng ký học lại học phần chuyên ngành

dưới hình thức làm đồ án, khóa luận, tiểu luận thay thế giờ lên lớp.

- Đối với các giờ thực hành, thí nghiệm, thực tập tập trung tại trường, Khoa/Bộ môn bố trí một nhóm, lớp từ 10 đến 20 sinh viên (có một người hướng dẫn), trừ các trường hợp đặc biệt phải thống nhất với Phòng ĐTDH.

- Danh sách mở lớp, sinh viên đăng ký lớp và thời khóa biểu của tất cả lớp học (bao gồm cả các giờ thực hành, thí nghiệm, thực tập) phải được đưa đầy đủ lên hệ thống quản lý đào tạo.

a) Lớp quản lý sinh viên: bao gồm những sinh viên cùng ngành/chuyên ngành, cùng khóa học.

b) Lớp quản lý sinh viên có ký hiệu lớp, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập; là nơi để Trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Nếu sinh viên được phân ngành hoặc chuyên ngành, Trường có thể chuyển sinh viên sang lớp khác. Sinh viên đã học hết thời gian thiết kế của khóa học thì sinh hoạt với sinh viên ở lớp cùng ngành/chuyên ngành ở khóa sau.

- Lớp quản lý sinh viên do Khoa chuyên ngành trực tiếp quản lý dưới sự phụ trách trực tiếp của giảng viên chủ nhiệm. Phòng Công tác Sinh viên là phòng chức năng của Nhà trường chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý sinh viên trong phạm vi toàn trường.

- Mỗi lớp quản lý sinh viên được phân công một giảng viên chủ nhiệm lớp trong suốt thời gian học để tư vấn cho sinh viên về các vấn đề học vụ như lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ cũng như toàn khóa học, hướng dẫn sinh viên trong việc định hướng ngành/nghề, chọn các học phần trong chương trình đào tạo, đăng ký và rút bớt học phần...

Điều 8. Đăng ký khối lượng học tập

1. Ở học kỳ đầu tiên của khóa học, sinh viên học theo thời khóa biểu do Trường định sẵn. Từ học kỳ thứ hai trở đi, mỗi sinh viên phải tự xác định và đăng ký khối lượng học tập trong mỗi học kỳ phù hợp với điều kiện, năng lực của bản thân dưới sự tư vấn của giảng viên chủ nhiệm.

2. Trước khi đăng ký học cho mỗi học kỳ, Nhà trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết cho từng học phần, thời khóa biểu dự kiến của tất cả các lớp học phần của tất cả các khóa học được mở trong học kỳ, mức học phí, lịch đóng học phí.

3. Thông qua hệ thống *daotao.humg.edu.vn* sinh viên đăng ký học theo kế hoạch của Trường

a) Đợt 1: Sinh viên chọn đăng ký những học phần sẽ học trong học kỳ tiếp theo kể cả các học phần học lại, học cải thiện điểm hoặc học vượt. Sinh viên có thể đăng ký theo kế hoạch học tập của ngành, chuyên ngành hoặc theo kế hoạch cá nhân dưới sự tư vấn của giảng viên chủ nhiệm. Thời gian tổ chức đăng ký học phần cho một học kỳ được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ ít nhất 4 tuần.

b) Đợt 2: Đăng ký lớp chính thức kết thúc chậm nhất 2 tuần trước khi bắt đầu học kỳ.

c) Đợt 3: Sinh viên có thể chuyển lớp, hủy lớp hoặc đăng ký lớp bổ sung, kể cả lớp của các học phần chưa đăng ký dự kiến. Đợt đăng ký này kết thúc chậm nhất 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ. Riêng học kỳ phụ không có đợt đăng ký này.

4. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực từ bình thường trở lên;
- b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu;
- c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ;
- d) Sinh viên chỉ được phép đăng ký học phần tự chọn khi nội dung học phần này không trùng hoặc có kiến thức cao hơn học phần bắt buộc tương tự đã được thiết kế trong chương trình đào tạo. Giảng viên chủ nhiệm có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên chọn đúng học phần trong danh mục các học phần tự chọn theo nguyên tắc: học để tiếp thu thêm kiến thức mới chứ không học lại kiến thức. Sinh viên học sai các học phần chọn sẽ không được công nhận điểm.

5. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực từ bình thường trở lên.

6. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể. Nhìn chung sinh viên học theo chương trình đào tạo đã được sắp xếp. Tuy nhiên, trong quá trình học, sinh viên có thể đăng ký và theo học bất cứ học phần nào có mở trong học kỳ nếu thỏa mãn được các điều kiện ràng buộc riêng của từng học phần (môn tiên quyết, môn học trước, môn song hành...)

7. Giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập có nhiệm vụ cố vấn học tập cho sinh viên trong quá trình đào tạo. Kết thúc thời gian đăng ký ở mỗi học kỳ, giảng viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập dùng công cụ tác nghiệp của Trường để xem xét, khuyến nghị sinh viên điều chỉnh khối lượng học tập nếu bất hợp lý; sau đó in bảng tổng hợp khối lượng học tập của lớp, ký và tập hợp theo Khoa để nộp về Phòng Đào tạo.

8. Ở mỗi học kỳ, khi kết thúc thời gian gia hạn đóng học phí đối với đợt đóng học phí thứ nhất, sinh viên nào không đóng học phí thì sẽ bị hủy 2 học phần có số tín chỉ cao nhất trong số học phần đã đăng ký trong học kỳ đó; khi kết thúc thời gian gia hạn đóng học phí đối với đợt đóng cuối cùng của học kỳ, sinh viên nào không đóng học phí thì có thể bị đình chỉ học tập ở học kỳ kế tiếp.

9. Sau mỗi năm học, sinh viên nào không đạt năng lực ngoại ngữ với lộ trình

yêu cầu theo quy định hiện hành của Trường về chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học thì sẽ bị giới hạn số tín chỉ tối đa được phép đăng ký học ở mỗi học kỳ, để tăng thời gian học ngoại ngữ nhằm kịp đạt chuẩn đầu ra quy định.

Điều 9. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể của trường, Hiệu trưởng quy định thời hạn tối đa được rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trên hệ thống quản lý đào tạo và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo đại học sau khi có ý kiến của giảng viên chủ nhiệm;
- b) Không vi phạm khoản 4 Điều 8 của Quy định này;
- c) Được phòng Đào tạo đại học chấp thuận.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi tự kiểm tra trên hệ thống quản lý đào tạo học phần rút bớt đã được xử lý thành công. Những học phần rút bớt không được hoàn trả học phí.

Điều 10. Hủy các lớp học phần do số lượng đăng ký ít

1. Kết thúc thời hạn quy định đăng ký học phần trên hệ thống quản lý đào tạo, Trường sẽ hủy các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký, trừ các lớp học phần sinh viên có đề nghị duy trì để giải quyết nhu cầu học lại, học vượt. Các lớp học phần có số lượng sinh viên dưới mức tối thiểu nói trên có thể sẽ có mức học phí cao hơn để Trường bù đắp chi phí tổ chức lớp.

2. Trường có thể chuyển sinh viên ở lớp học phần bị hủy sang các lớp học phần khác, nếu sinh viên không bị trùng thời khóa biểu và lớp còn chỗ đồng thời có đề nghị của sinh viên.

Điều 11. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bị điểm F và không thuộc diện xử lý buộc thôi học thì phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm tích lũy.

2. Cho phép sinh viên có điểm thi kết thúc học phần đạt điểm D, D+ được học lại theo quy định như đối với trường hợp bị điểm F để cải thiện điểm.

3. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

4. Điểm thi chính thức được lấy theo điểm cao nhất trong các lần học. Việc đăng ký học lại vẫn thực hiện theo các bước như đăng ký học phần lần đầu.

5. Đối với những sinh viên còn có học phần bắt buộc nhưng chưa học, mà học phần này Trường không còn mở lớp cho khóa sau nữa và có quá ít sinh viên có nhu cầu học, Hội đồng khoa xem xét và đề nghị Trường cho phép sinh viên học học phần thay thế.

Điều 12. Nghỉ học do bị ốm, tai nạn

1. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn trong thời gian học của lớp nhưng chưa vắng quá 20% thời gian học thì phải xin phép giảng viên phụ trách lớp học phần.

2. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn phải vắng thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ, thì phải có đơn xin phép hoãn thi nộp cho Phòng Đào tạo đại học/phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo xác nhận của cơ quan y tế để được phép hoãn thi.

3. Sinh viên bị ốm hoặc tai nạn mà vắng quá 20% thời gian học của học kỳ thì phải thực hiện theo Điều 13 của Quy định này.

Điều 13. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn xin Trường cho phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 15 của Quy định này và phải đạt điểm TBC tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua bộ phận một cửa ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Số tín chỉ tích lũy	Dưới 32	32 đến 64	65 đến 95	96 đến 127	Từ 128 trở lên
Xếp hạng năm đào tạo	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5

Sinh viên có trách nhiệm tự theo dõi kết quả học tập của mình để xác định mình đang học năm thứ mấy, từ đó xác định kế hoạch và có hướng phấn đấu trong học tập. Phòng Đào tạo đại học xử lý học tập theo điểm trung bình chung (TBC) học kỳ và điểm TBC tích lũy theo năm học được xếp hạng dựa trên số tín chỉ sinh viên tích lũy được.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm TBC tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Điểm TBC tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Điểm TBC tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

Các hình thức xử lý kết quả học tập được áp dụng cuối mỗi học kỳ chính, bao gồm cảnh cáo học tập (mức 1 đến mức 3), buộc thôi học và hạn chế khối lượng đăng ký học tập.

1. Cảnh báo học tập là hình thức cảnh báo những sinh viên có kết quả học tập yếu kém, áp dụng cụ thể như sau:

a) Nâng một mức cảnh báo đối với sinh viên có số tín chỉ không đạt trong học kỳ lớn hơn 8.

b) Nâng hai mức cảnh báo đối với sinh viên có số tín chỉ không đạt trong học kỳ lớn hơn 16 hoặc tự ý bỏ học, không đăng ký học tập.

c) Áp dụng cảnh báo mức 3 đối với sinh viên có số tín chỉ nợ tồn đọng từ đầu khóa lớn hơn 27.

d) Sinh viên đang bị cảnh báo học tập, nếu số tín chỉ không đạt trong học kỳ bằng hoặc nhỏ hơn 4 thì được hạ một mức cảnh báo.

2. Buộc thôi học là hình thức áp dụng đối với những sinh viên có kết quả quá trình học tập rất kém, cụ thể trong các trường hợp như sau:

a) Sinh viên bị cảnh báo học tập mức 3, ngoại trừ những đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo theo quy định của Bộ thì được nộp đơn xin gia hạn một học kỳ và chỉ một lần trong toàn khóa học.

b) Sinh viên học vượt quá thời gian cho phép, hoặc không còn đủ khả năng tốt nghiệp trong thời gian cho phép theo quy định tại Điều 5.

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

d) Tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên.

3. Hạn chế khối lượng học tập là hình thức buộc những sinh viên học yếu kém hoặc chưa đạt chuẩn ngoại ngữ (xét tại thời điểm đăng ký học tập) đăng ký số tín chỉ học phần chuyên môn ít hơn bình thường, cụ thể như sau:

a) Sinh viên bị cảnh báo học tập mức 1 được đăng ký tối đa 18 TC và tối thiểu 10 TC cho một học kỳ chính.

b) Sinh viên bị cảnh báo học tập mức 2 được đăng ký tối đa 14 TC và tối thiểu 8 TC cho một học kỳ chính.

4. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, phòng Công tác sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua học chương trình đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 16. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sinh viên học ít nhất một học kỳ ở chương trình thứ nhất, phải có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên và điểm trung bình chung học kỳ từ 2,00 trở lên;

c) Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, đối với mỗi chương trình nếu sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ dưới 2,00 hoặc điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

d) Sau khi được Trường cho phép học chương trình thứ hai, nếu sinh viên đăng ký không đủ ít nhất 3 tín chỉ của chương trình thứ hai thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

5. Thủ tục đăng ký học chương trình thứ hai:

a) Sinh viên nộp đơn trước 2 tuần khi kết thúc học kỳ của năm học trước để xin học chương trình 2 bắt đầu từ học kỳ 1 của năm học kế tiếp. Phòng Đào tạo đại học thông báo kết quả cho sinh viên vào tuần thứ nhất của năm học. Sinh viên nộp trước 2 tuần khi kết thúc học kỳ 1 để xin học chương trình 2 bắt đầu từ học kỳ 2 của năm học. Phòng Đào tạo đại học thông báo kết quả cho sinh viên vào tuần thứ nhất của học kỳ 2.

b) Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, đối với học kỳ đầu tiên học chương trình 2, Phòng Đào tạo hỗ trợ đăng ký học cho sinh viên. Đối với các học kỳ sau đó, sinh viên tự đăng ký học các học phần chương trình hai như sinh viên bình thường ở chương trình 2.

Điều 17. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với

ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đó có điểm xét tuyển thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường;

b) Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 18. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số là 0,6. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần, hoặc theo quy định chung của trường, ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận cụ thể như sau:

$$\text{Điểm đánh giá học phần} = 0,6 * A + 0,3 * B + 0,1 * C$$

Trong đó: A là điểm thi kết thúc học phần;

$$B = (b_1 + b_2 + b_3) / 3$$

Trong đó: b_1 là điểm kiểm tra thường xuyên; b_2 là điểm kiểm tra giữa học kỳ; b_3 là điểm tiểu luận (hay bài tập lớn hoặc điểm học phần thí nghiệm...);

$$C = (c_1 + c_2) / 2$$

Trong đó: c_1 là điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận cho theo thang điểm 10; c_2 là điểm chuyên cần được xác định như sau:

+ Đi học đầy đủ $c_2 = 10$ điểm;

+ Bỏ học 2% số giờ học quy định bị trừ đi 1 điểm, bỏ học 20% số giờ quy định có $c_2 = 0$.

+ Sinh viên bỏ học trên 20% số giờ quy định sẽ bị cấm thi, nhận 0 điểm và phải học lại.

B, C là các giá trị trung bình cộng của các điểm thành phần. Trường hợp thi lần 2 thì lấy kết quả thi lần 2 để thay điểm thi kết thúc học phần lần 1. Trường hợp học lại, các điểm thành phần phải xác định lại từ đầu.

Các điểm thành phần A, b_1 , b_2 , b_3 ..., c_1 , c_2 và điểm đánh giá học phần đều cho theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Đối với các học phần vừa có thực hành/thí nghiệm vừa có lý thuyết: Sinh viên không hoàn thành phần thực hành/thí nghiệm sẽ không được thi phần lý thuyết và nhận điểm đánh giá học phần 0 điểm. Sinh viên sau khi hoàn thành phần thực hành/thí nghiệm sẽ được thi lý thuyết và tính thi lần hai.

3. Đối với các học phần thực hành/thí nghiệm: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành/thí nghiệm. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành/thí nghiệm trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành/thí nghiệm.

4. Đối với các học phần thực tập sản xuất và tốt nghiệp, Bộ môn tổ chức nghiệm thu thực tập và đánh giá kết quả đạt hay không đạt. Sinh viên không đạt thực tập sản xuất hay tốt nghiệp phải đi thực tập lại.

5. Sinh viên chỉ được phép thi kết thúc học phần sau khi đã hoàn thành việc đóng học phí của kỳ học theo quy định.

Điều 19. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính để thi kết thúc học phần.

2. Phòng Đào tạo đại học cấp phép học cải thiện, học bổ sung và học hoàn chỉnh kiến thức theo chương trình đại học để dự thi Sau đại học...

3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo Đại học và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp sắp xếp và ban hành.

4. Tổ chức thi đối với các học phần bắt buộc mà Trường không còn mở lớp cho khóa sau nữa và quá ít sinh viên có nhu cầu học. Căn cứ số liệu do phòng Đào tạo đại học thống kê những trường hợp này, Hiệu trưởng có thể xem xét tổ chức thi để lấy kết quả đánh giá học phần cho sinh viên bị điểm F.

Điều 20. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đó quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần trên cơ sở đề nghị của các Khoa/Bộ môn.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn quyết định.

5. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra giữa kỳ, đề kiểm tra thường xuyên và cho điểm đánh giá thành phần. Trong thời gian một tuần, khi kết thúc học phần giảng viên phụ trách có trách nhiệm nhập điểm thành phần trực tiếp vào hệ thống daotao.humg.edu.vn và công khai cho sinh viên biết. Đề thi kết thúc học phần do Bộ môn, hoặc do giảng viên trực tiếp giảng dạy ra đề và được Bộ môn thông qua. Bộ môn và giảng viên tổ chức thi và chấm thi theo quy định của Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng.

6. Điểm thi kết thúc học phần chưa khảo thí được in từ hệ thống của Trường, có chữ ký của hai giảng viên chấm thi. Sau khi thi kết thúc học phần 01 tuần, giảng viên nộp kết quả điểm cho phòng Đào tạo đại học 01 bản, văn phòng khoa 01 bản và lưu lại bộ môn 01 bản. Quá trình giao nhận kết quả điểm đều phải ký nhận và ghi rõ thời gian.

7. Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng có trách nhiệm nhập điểm thành phần (điểm thành phần A) của các học phần thi khảo thí theo đúng thời gian quy định lên hệ thống *daotao.humg.edu.vn*

8. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như bỏ dự thi và phải nhận điểm 0 (điểm thành phần A) ở kỳ thi chính.

9. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được phòng Đào tạo đại học/phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

10. Xác minh điểm: Sinh viên có thắc mắc điểm cần đến Khoa/Bộ môn/Giảng viên chủ quản học phần để xác minh. Trường hợp có sai sót về điểm hoặc chưa đủ căn cứ xác minh thì Giảng viên trực tiếp gặp bộ phận điểm phòng Đào tạo đại học/ Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục để giải quyết. Kết quả xác minh phải được thông báo công khai cho sinh viên. Phòng Đào tạo đại học không giải quyết trực tiếp việc xác minh điểm.

Điều 21. Cách tính điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng theo cách tính tại khoản 1, Điều 18. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Điểm theo thang 10	Điểm theo hệ 4		Xếp loại
	Điểm chữ	Điểm số	
Từ 9,0 đến 10,0	A ⁺	4,0	Đạt
Từ 8,5 đến cận 9,0	A	3,7	
Từ 8,0 đến cận 8,4	B ⁺	3,5	
Từ 7,0 đến cận 7,9	B	3,0	
Từ 6,5 đến cận 7,0	C ⁺	2,5	
Từ 5,5 đến cận 6,5	C	2,0	
Từ 5,0 đến cận 5,5	D ⁺	1,5	
Từ 4,0 đến cận 5,0	D	1,0	
Từ 0,0 đến cận 4,0	F	0	Không đạt

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm **I** qua, sau khi có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp **X** qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm **F** ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 2 và 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm **F**.

5. Việc xếp loại theo mức điểm **I** được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Trường phòng Đào tạo đại học cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường phòng Đào tạo đại học chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm **I** phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm **X** được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo đại học chưa nhận được kết quả học tập của sinh viên.

7. Ký hiệu **R** được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm **A, B, C, D** trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 22. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số ở khoản 2 Điều 21.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm TBC học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chính chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất.

Điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 23. Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án tốt nghiệp

1. Thực tập tốt nghiệp là một học phần mà sinh viên muốn đăng ký học phải thỏa mãn điều kiện sau:

a) Sinh viên đại học chỉ được phép đi thực tập tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành các học phần theo quy định trong chương trình đào tạo (trừ đồ án tốt nghiệp) hoặc có thể còn nợ tối đa 2 học phần chưa đạt yêu cầu của 2 học kỳ cuối và có điểm TBC tích lũy toàn khóa đạt từ 2,0 điểm trở lên.

b) Sinh viên đăng ký đi thực tập tốt nghiệp (TTTN) theo kế hoạch của Khoa/Bộ môn. Mỗi sinh viên/nhóm sinh viên có một giảng viên hướng dẫn về mặt khoa học, ngoài ra có thể có thêm một người hướng dẫn tại cơ sở thực tập (nếu có). Kết quả TTTN được đánh giá như sau:

- Điểm quá trình là điểm của giảng viên hướng dẫn, đánh giá trên cơ sở nhận xét của cơ sở thực tập và kết quả quá trình thực tập.

- Điểm cuối kỳ là điểm chấm bảo vệ do ít nhất hai giảng viên thực hiện và thống nhất.

- Điểm của người hướng dẫn hoặc điểm bảo vệ TTTN cho dưới 5 đều được coi là điểm liệt, khi đó điểm học phần là điểm F, và sinh viên phải đăng ký TTTN lại.

2. Học kỳ cuối khóa, sinh viên hệ đại học hoặc liên thông cao đăng lên đại học được nhận đề tài để làm đồ án tốt nghiệp sau khi đã hoàn thành tất cả các môn học được quy định trong chương trình đào tạo (*không tính TTTN*).

3. Đầu mỗi học kỳ chính, Phòng Đào tạo đại học xét và công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp đúng và trễ tiến độ so với tiến độ thiết kế của chương trình đào tạo. Sinh viên học vượt và có đủ điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp sớm hơn so với tiến độ thiết kế của chương trình đào tạo thì cần phải làm đơn xin nhận đồ án tốt nghiệp.

4. Phòng Đào tạo đại học cấp các quyết định đi thực tập, làm thủ tục để nhà trường ra quyết định thành lập hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp. Đối với các trường hợp sinh viên lưu lại từ các khóa trước, các thủ tục đi thực tập, làm và bảo vệ đồ án tốt nghiệp do phòng Đào tạo đại học giải quyết.

5. Hình thức và thời gian làm đồ án tốt nghiệp:

a) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, bộ môn và khoa chủ quản:

- Người hướng dẫn đồ án tốt nghiệp (ĐATN), sau đây gọi tắt là người hướng dẫn, bao gồm giảng viên cơ hữu của Trường, giảng viên thỉnh giảng của Trường (theo quy định hiện hành của Đại học Mở - Địa chất về việc mời thỉnh giảng và quản lý công tác thỉnh giảng) tham gia hướng dẫn ĐATN.

- Người hướng dẫn xác định hướng đề tài cho sinh viên và hướng dẫn sinh viên xây dựng đề cương và hoàn thành đề án tốt nghiệp. Người hướng dẫn chịu trách nhiệm trước Bộ môn chủ quản tiến độ làm đề án và các thủ tục cần thiết khác theo quy định.

- Bộ môn chủ quản có trách nhiệm tổng hợp thông tin các đề tài tốt nghiệp dự kiến thực hiện trong học kỳ, rà soát để đảm bảo: không trùng lặp nội dung với các đề tài ở các học kỳ trước, nội dung và khối lượng phù hợp. Bộ môn quản lý danh sách sinh viên làm ĐATN, đề tài, đề cương, người hướng dẫn; gửi danh sách sinh viên về Khoa chủ quản để ban hành quyết định cho phép sinh viên làm ĐATN sau khi thông qua danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đề án tại phòng Đào tạo đại học. Bước này cần được hoàn thành trong vòng hai tuần, kể từ thời gian bắt đầu làm đề án theo kế hoạch.

- Bộ môn chủ quản có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu thực tập, chịu trách nhiệm thông qua đề tài tốt nghiệp, ra quyết định giao đề tài tốt nghiệp cho sinh viên và phân công giảng viên hướng dẫn; tổ chức và giám sát việc làm đề án tốt nghiệp của sinh viên thuộc Bộ môn chủ quản; làm các thủ tục thành lập Hội đồng chấm tốt nghiệp.

- Khoa chủ quản có trách nhiệm theo dõi và giám sát tình hình tổ chức làm ĐATN của các bộ môn trong khoa thực hiện theo đúng kế hoạch làm đề án tốt nghiệp của Trường.

- Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đề án, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đề án kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

b) Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đề xuất đề tài và đề nghị người hướng dẫn; hoặc chọn đăng ký trong số các đề tài, hướng nghiên cứu do giảng viên đang hoặc sẽ thực hiện; hoặc nhận đề tài do Bộ môn/ Khoa giao. Trường hợp sinh viên đề xuất đề tài thì đề xuất trong vòng một học kỳ trước học kỳ cuối khóa; Bộ môn/ người hướng dẫn cần kiểm tra để đảm bảo đề tài phù hợp.

- Liên hệ với người hướng dẫn để thảo luận và thống nhất về nội dung, đề cương đề tài, kế hoạch thực hiện.

6. Sinh viên đang làm ĐATN nếu bị ốm hoặc bị tai nạn và phải chữa trị từ 02 tuần trở lên thì có thể làm đơn xin hoãn làm ĐATN hoặc ngừng học tạm thời. Căn cứ đề xuất của người hướng dẫn và Bộ môn, Trường giải quyết theo một trong các hướng sau đây:

a) Cho phép cho sinh viên hoãn bảo vệ đề án và bảo vệ khi trở lại học tập, nếu sinh viên đã cơ bản hoàn thành đề án.

b) Cho phép giãn thời gian làm ĐATN nếu sinh viên bị gián đoạn 2 tuần.

c) Quyết định cho sinh viên ngừng học tạm thời một học kỳ, dừng làm ĐATN và giao sinh viên tiếp tục thực hiện đề tài khi sinh viên trở lại học tập, nếu là đề tài sinh viên đề xuất hoặc sinh viên đã thực hiện được hơn 50% khối lượng công việc.

d) Quyết định cho sinh viên ngừng học tạm thời một học kỳ và giao sinh viên thực hiện đề tài mới khi sinh viên trở lại học tập, nếu là đề tài giảng viên hoặc Bộ môn giao hoặc sinh viên đã thực hiện được ít hơn 50% khối lượng công việc.

e) Thời gian sinh viên ngừng học theo quyết định cho phép của Trường để chữa trị do bị ốm hoặc tai nạn không tính vào thời gian học tập. Hồ sơ xin ngừng học do ốm hoặc tai nạn phải kèm theo minh chứng chữa trị ở bệnh viện từ cấp quận, huyện trở lên.

Điều 24. Đánh giá đồ án tốt nghiệp

1. Thang điểm đánh giá ĐATN: Thang điểm 10.
2. Đánh giá đồ án tốt nghiệp: Đồ án của sinh viên sau khi hoàn thành được người hướng dẫn viết nhận xét và cho phép bảo vệ tốt nghiệp sẽ được giảng viên phản biện chấm. Nếu điểm chấm của giảng viên phản biện đạt yêu cầu từ điểm 5 trở lên thì đồ án mới được đưa ra bảo vệ trước Hội đồng tốt nghiệp.
3. Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập theo từng học kỳ để đánh giá đồ án tốt nghiệp của sinh viên. Số lượng thành viên của hội đồng từ 4 đến 6, có Chủ tịch và Thư ký.
4. Thành viên của hội đồng là giảng viên của Trường hoặc các cơ sở giáo dục đại học khác, hoặc có thể mời những người có trình độ chuyên môn phù hợp ở bên ngoài.
5. Điểm đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình của người phản biện và các thành viên hội đồng, lấy một số lẻ thập phân. Điểm đánh giá giữa các thành viên không chênh nhau quá 2 điểm, nếu có ít nhất một thành viên đánh giá điểm dưới 5,0 thì ĐATN được đánh giá là không đạt yêu cầu.
6. Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp lấy một số lẻ thập phân và được quy đổi sang thang điểm chữ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy định này. Điểm đánh giá đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm TBC tích lũy của toàn khóa học.
7. Sinh viên có đồ án tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án tốt nghiệp và bảo vệ trong thời hạn tối đa là một năm, nếu không hoàn thành phải đăng ký đi thực tập tốt nghiệp lại. Thời gian này được tính vào thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

Điều 25. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;
 - c) Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
 - d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
 - e) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất theo quy định.
 - f) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
 - g) Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin theo quy định của Trường.

h) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc chậm tiến độ so với thời gian thiết kế của khóa học nhưng vẫn muốn tiếp tục học để nâng điểm trung bình chung tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Đào tạo đại học trong thời gian quy định.

3. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo đại học làm thư ký và các thành viên là Trưởng các khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 26. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm TBC tích lũy của toàn khoá học như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm TBC tích lũy từ 3,60 đến 4,00
- Loại giỏi: Điểm TBC tích lũy từ 3,20 đến 3,59
- Loại khá: Điểm TBC tích lũy từ 2,50 đến 3,19
- Loại trung bình: Điểm TBC tích lũy từ 2,00 đến 2,49

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ của các học phần học từ lần thứ 2 vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ của chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập theo học kỳ hoặc năm học được xếp loại theo thang điểm trên và theo kết quả TBC học kỳ và năm học.

4. Mỗi sinh viên tốt nghiệp được Trường cấp một bảng điểm ghi kết quả học tập từng học phần, có điểm đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành hoặc ngành phụ, nếu có.

5. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

6. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học, chỉ còn thiếu chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất thì trong thời hạn 5 năm sau đó, nếu bổ sung đủ các chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp.

7. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc công nghệ thông tin thì trong thời hạn 3 năm sau đó, nếu bổ sung đủ chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp. Ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ phải cách thời điểm xét công nhận tốt nghiệp không quá 24 tháng.

8. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 5 Điều 15 của Quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp, nếu vi phạm quy định, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên thi hộ, học hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, học hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Chương VI

THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với tất cả sinh viên các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường, trừ Khoản 2 của Điều này.

2. Đối với sinh viên (gồm cả: chính quy, liên thông và bằng 2) thuộc các khóa tuyển sinh từ năm 2017 về trước:

a) Quy đổi điểm học phần như sau:

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Loại
A	8,5 - 10	Giỏi
B ⁺	8,0 – 8,4	Khá
B	7,0 – 7,9	
C ⁺	6,5 – 6,9	Trung bình
C	5,5 – 6,4	
D ⁺	5,0 – 5,4	Trung bình yếu

b) Việc thực hiện bỏ thi lại các học phần sẽ được thực hiện từ năm học 2019-2020 với tất cả các khóa tuyển sinh.

3. Hàng năm, căn cứ thực tế nếu thấy cần thiết Hiệu trưởng sẽ quyết định bổ sung, sửa đổi điều chỉnh Quy định này cho phù hợp.